

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2022**

Ban Kiểm Soát Công Ty Cổ Phần Lưới Thép Bình Tây trân trọng báo cáo Đại hội Đồng Cổ Đông về kết quả giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành năm 2022 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, điều lệ Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua. Năm bắt kịp thời thông tin hoạt động nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.

Triển khai công việc theo nhiệm vụ, chức năng được giao, luôn bám sát nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Thực hiện các công tác giám sát hoạt động của HĐQT và ban điều hành Công ty. Tham dự và bám sát các nội dung tại các phiên họp của HĐQT để giám sát tình hình quản trị, điều hành hoạt động Công ty.

- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính nhằm kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực của số liệu tài chính.

II. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành

1. Về tình hình tài chính

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2021	+/-	%
I	Tổng tài sản	30,597,001,377	37,102,535,274	(6,505,533,897)	(18)
1	Tài sản ngắn hạn	21,070,846,570	25,873,518,780	(4,802,672,210)	(19)
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	5,388,797,250	8,063,266,152	(2,674,468,902)	(33)
	- Các khoản phải thu	2,462,709,561	2,803,449,608	(340,740,047)	(12)
	- Hàng tồn kho	13,219,339,759	14,964,293,423	(1,744,953,664)	(12)
	- Tài sản ngắn hạn khác		42,509,597	(42,509,597)	(100)
2	Tài sản dài hạn	9,526,154,807	11,229,016,494	(1,702,861,687)	(15)
	- Các khoản phải thu				
	- TSCĐ	8,905,079,294	10,574,733,405	(1,669,654,111)	(16)
	- Tài sản dài hạn khác	621,075,513	654,283,089	(33,207,576)	(5)
II	Tổng nguồn vốn	30,597,001,377	37,102,535,274	(6,505,533,897)	(18)
1	Nợ phải trả	4,549,902,002		(4,128,316,293)	(48)



			8,678,218,295		
	- Nợ ngắn hạn	4,549,902,002	8,678,218,295	(4,128,316,293)	(48)
	- Nợ dài hạn			0	
2	Vốn chủ sở hữu	26,047,099,375	28,424,316,979	(2,377,217,604)	(8)

Nhận xét:

1.1 Tài sản: Tổng tài sản của Công ty giảm 6,5 tỷ đồng, tương ứng giảm 18%, sự biến động này là do Tài sản ngắn hạn giảm 4,8 tỷ đồng, tương ứng giảm 19%; Tài sản dài hạn giảm 1,7 tỷ đồng, tương ứng giảm 15%; Phân tích chi tiết các khoản mục:

1.1.1 Tiền và các khoản tương đương tiền: giảm 2,67 tỷ đồng, tương ứng giảm 33% so với cùng kỳ. Số dư tại ngày 31/12/2022 bao gồm tiền mặt là 51 triệu đồng, tiền gửi ngân hàng 5,3 tỷ đồng. Như vậy với mức quy mô vốn bằng tiền của Công ty nói chung và tiền gửi ngân hàng nói riêng khả năng thanh toán của Công ty được đảm bảo.

1.1.2 Các khoản phải thu ngắn hạn: giảm 341 triệu đồng, tương ứng giảm 12% so với cùng kỳ điều này cho thấy Công ty siết chặt chính sách thu tiền bán hàng kết hợp áp dụng chuyển khoản thanh toán và đã có những biện pháp tích cực trong việc thu hồi những khoản vốn bị chiếm dụng.

1.1.3 Hàng tồn kho: Tổng giá trị hàng tồn kho giảm 1,7 tỷ đồng, tương ứng giảm 12% so với cùng kỳ cụ thể:

Stt	Nội dung	2022	2021	+/-	%
1	Nguyên vật liệu	7,073,269,522	7,609,819,648	(536,550,126)	(7)
2	Công cụ, dụng cụ	9,317,546	66,952,112	(57,634,566)	(86)
3	Thành phẩm	6,136,752,691	7,287,521,663	(1,150,768,972)	(16)
	Tổng	13,219,339,759	14,964,293,423		

1.1.4 Tài sản ngắn hạn khác: giảm 42,5 triệu đồng so với cùng kỳ.

1.1.5 Tài sản dài hạn: Giảm 1,7 tỷ đồng, tương ứng giảm 15% trong đó khấu hao trong kỳ 1,67 tỷ đồng và Tài sản dài hạn khác giảm 33 triệu đồng so với cùng kỳ.

1.2 Nguồn vốn: Tổng nguồn vốn giảm 6,5 tỷ đồng, tương ứng giảm 18% , sự biến động này chủ yếu là do nợ phải trả giảm 4,1 tỷ đồng, Vốn chủ sở hữu giảm 2,4 tỷ đồng; Phân tích một số khoản mục:

1.2.1 Nợ phải trả:

- Phải trả người bán ngắn hạn 69,6 triệu đồng, giảm 182 triệu đồng, giảm 72,4% so với cùng kỳ (cùng kỳ là 252 triệu đồng). Các khoản công nợ trên đã được Công ty thanh toán trong tháng 01/2023.

- Người mua trả tiền trước là 112 triệu đồng, giảm 27 triệu đồng, giảm 19,4% so với cùng kỳ (cùng kỳ là 140 triệu đồng).

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 307 triệu đồng, giảm 38 triệu đồng, giảm 11% so với cùng kỳ, đây là số thuế TNDN và GTGT còn phải nộp trong năm (Công ty cũng đã nộp hết vào tháng 01/2023).

- Phải trả người lao động 1.27 tỷ đồng, giảm 41 triệu đồng, giảm 3,15% so với cùng kỳ.

- Chi phí phải trả ngắn hạn là 55 triệu đồng, giảm 3,9 triệu đồng, giảm 6,6 % so với cùng kỳ, đây là tiền trích trước chi phí kiểm toán hàng năm.

- Phải trả ngắn hạn khác là 2,6 tỷ đồng, tăng 269 triệu đồng, tăng 11,4% so với cùng kỳ.

- Vay và nợ thuê tài chính giảm 100% so với cùng kỳ, đến ngày 31/12/2022 Công ty không có nợ vay và nợ thuê tài chính.

1.2.2 Vốn chủ sở hữu: Giảm 2,37 tỷ đồng, tương ứng giảm 8% so với cùng kỳ trong đó tăng lợi nhuận trong năm 2022 1,89 tỷ đồng; giảm do chi trả cổ tức năm 2021 3,93 tỷ đồng, trích lập Quỹ phúc lợi, Quỹ khen thưởng 332 triệu đồng.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2021	+/-	%
1	Dthu thuần hàng bán & dịch vụ	108,743,362,606	95,619,380,123	13,123,982,483	13.73
2	Giá vốn hàng bán	101,172,679,384	87,492,537,308	13,680,142,076	15.64
3	Lợi nhuận gộp (10-11)	7,570,683,222	8,126,842,815	(556,159,593)	(6.84)
4	Doanh thu hoạt động tài chính	9,058,380	6,449,245	2,609,135	40.46
5	Chi phí tài chính	85,350,481	160,427,578	(75,077,097)	(46.80)
	<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>85,350,481</i>	<i>160,427,578</i>		
6	Chi phí bán hàng	278,817,115	164,248,073	114,569,042	69.75
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,856,589,938	4,585,881,716	270,708,222	5.90
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	2,358,984,068	3,222,734,693	(863,750,625)	(26.80)
9	Thu nhập khác	39,587,285	96,588,059	(57,000,774)	(59.01)
10	Chi phí khác	2,518,412	74,835,735	(72,317,323)	(96.63)
11	Lợi nhuận khác	37,068,873	21,752,324	15,316,549	70.41
12	Tổng LN trước thuế	2,396,052,941	3,244,487,017	(848,434,076)	(26.15)
13	Thuế TNDN hiện hành	509,978,903	474,389,994	35,588,909	7.50
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1,886,074,038	2,770,097,023	(884,022,985)	(31.91)
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	960	1,240		

Doanh thu thuần tăng 13,12 tỷ đồng, tăng 13,7% so với cùng kỳ, tuy nhiên do biến động về giá nguyên vật liệu đầu vào dẫn đến giá vốn hàng bán tăng 13,6 tỷ đồng, tăng 15,6% so với cùng kỳ ảnh hưởng đến lợi nhuận gộp giảm 556 triệu đồng, giảm 6,84% so với cùng kỳ.

Địa điểm sản xuất kinh doanh của Công ty phân tán ở 3 tỉnh, thành phố nên việc quản lý, vận chuyển hàng hóa nhiều khó khăn, giá xăng dầu tăng mạnh trong những tháng

3357
NG
PH
31/11
VH
U-TP

dầu năm dẫn đến chi phí bán hàng tăng 115 triệu đồng, tăng 69%; chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 271 triệu đồng, tăng 5,9 % so với cùng kỳ.

Thu nhập khác giảm 57 triệu đồng, giảm 59%; Chi phí khác giảm 72 triệu đồng, giảm 97% dẫn đến lợi nhuận khác tăng 15 triệu đồng, tương ứng tăng 70%.

Vẫn như hàng năm, Công ty có khoản lợi nhuận về kinh doanh cho thuê mặt bằng. Xem xét số liệu cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	2022	2021
1	Doanh thu cho thuê	5.148.814.894	4.755.191.672
2	Giá vốn cho thuê	3.220.402.152	3.181.176.730
3	Lợi nhuận cho thuê	1.928.412.742	1.574.014.942

Doanh thu cho thuê mặt bằng là 5,15 tỷ đồng tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước và chỉ chiếm 4,73% so với tổng doanh thu.

3. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Stt	Chỉ tiêu	KH 2022	2022	2021	%/KH	%/2021
1	Sản xuất (tấn)	6.000	4.408	4.116	73,5%	107,1%
2	Tiêu thụ (tấn)	6.000	4.475	4.228	74,6%	105,8%
3	LN trước thuế (triệu đồng)	4.000	2.396	3.244	59,9%	73,9%

Sản xuất đạt 4.408 tấn sản phẩm bằng 73,5 % kế hoạch và bằng 107,1 % so với cùng kỳ.

Tiêu thụ đạt 4.475 tấn sản phẩm bằng 74,6 % kế hoạch và bằng 105,8 % so với cùng kỳ.

Lợi nhuận trước thuế đạt 2,39 tỷ đồng bằng 59,9% kế hoạch và bằng 73,9% so với cùng kỳ.

Trong năm 2022 thị trường thép trong nước và thế giới gặp rất nhiều khó khăn ảnh hưởng đến tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty. Với điều kiện môi trường khó khăn thì những kết quả đạt được phần nào phản ánh sự nỗ lực, cố gắng và thành công của tập thể lãnh đạo và người lao động toàn công ty.

4. Kết quả giám sát đối với các hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc * HĐQT và Ban điều hành

HĐQT thực hiện đầy đủ trách nhiệm, tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Các Nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung tuân thủ các nghị quyết của Đại hội cổ đông, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định khác của pháp luật.

Ban điều hành đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng theo nghị quyết của HĐQT.

*** Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

- BKS thực hiện giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Các thành viên HĐQT, thành viên BKS và thành viên Ban Tổng Giám đốc trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên.

- HĐQT mời BKS tham dự tất cả cuộc họp của HĐQT, hầu hết các tài liệu như biên bản họp HĐQT, Nghị quyết các tài liệu, báo cáo, tờ trình của Ban Tổng Giám đốc khi gửi xin ý kiến HĐQT đồng thời gửi BKS.

- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS.

5. Phương hướng nhiệm vụ năm 2023:

Trên cơ sở định hướng phát triển của Công ty đã được HĐQT đề ra, Ban kiểm soát xác định phương hướng nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2023 như sau:

- Tiếp tục phát huy vai trò kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, triển khai đầy đủ, kịp thời công việc cụ thể trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Trên đây là Báo cáo hoạt động trong năm 2022 của BKS trình Đại hội xem xét và thông qua.

Kính chúc quý đại biểu cùng toàn thể cổ đông sức khỏe, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!



Huỳnh Thị Tuyết Trâm.